

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Về việc: Xây dựng CSDL địa hình tỷ lệ 1/10.000, 1/50.000 và CSDL chướng ngại vật điện tử hàng không thuộc gói thầu “Cung cấp bộ cơ sở dữ liệu địa hình và chướng ngại điện tử hàng không (etod) khu vực 2 của 2 sân bay quốc tế Cam Ranh và Đà Nẵng”.

Số: 30-5 /HDDVTV-2018

Giữa

**Xí nghiệp Phát triển Công nghệ Trắc địa Bản đồ - Chi nhánh Công ty
TNHH MTV Trắc địa Bản đồ**

Và

Trung tâm Nghiên cứu Trắc địa công trình



Các căn cứ:

- Căn cứ Luật Dân sự số: 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ chỉ thị số 453/CT-Cty ngày 02/03/2018 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ về việc thi công gói thầu “Cung cấp CSDL địa hình và chương ngại vật điện tử hàng không etod khu vực 2 của 4 sân bay Quốc tế Phú Bài, Đà Nẵng, Cam Ranh, Phú Quốc”.
- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của các bên.

Hôm nay, ngày 30 tháng 5 năm 2018, chúng tôi gồm:

Bên A: Xí nghiệp Phát triển Công nghệ Trắc địa Bản đồ - Chi nhánh Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ.

Đại diện là ông: **Nguyễn Quốc Văn** Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số 2/198 đường Trần Cung, P.Cổ Nhuế 1, Q.Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 02437558073

Fax: 02437558077

Tài khoản: 0561100290008 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội Chi nhánh Hoàng Quốc Việt - Hà Nội.

Mã số thuế: 0100107211-009

Bên B: Trung tâm Nghiên cứu Trắc địa công trình

Đại diện là ông: **Đình Công Hòa** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Trường đại học mỏ địa chất, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại/fax: 02438363137

Tài khoản: 1462201006407 tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Tây Đô.

Mã số thuế : 0100531036

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ tư vấn với các nội dung sau :

Điều 1. Nội dung công việc

Bên A thuê bên B thực hiện các nội dung công việc Xây dựng bộ CSDL địa hình và chương ngại vật điện tử hàng không (etod) khu vực cảng hàng không Cam Ranh, Đà Nẵng.

- Tích hợp CSDL nền địa lý tỷ lệ: 1/50.000.
- Xác định chiều cao chương ngại vật khu vực 2 tỷ lệ 1/50.000.
- Điều tra ĐTDL phục vụ xây dựng CSDL nền địa lý, tỷ lệ 1/10.000.
- Chuẩn hóa dữ liệu địa lý gốc, tỷ lệ 1/10.000

(Chi tiết và khối lượng nội dung các công có phụ lục kèm theo Hợp đồng này)

Điều 2. Tiến độ thực hiện hợp đồng

Bên B thực hiện hoàn thành các nội dung công việc của hợp đồng và giao

nộp sản phẩm theo yêu cầu tiến độ của Bên A.

Điều 3. Yêu cầu về kỹ thuật, sản phẩm giao nộp

3.1. Yêu cầu về kỹ thuật

- Tích hợp CSDL nền địa lý tỷ lệ: 1/50.000: Theo tiêu chuẩn của CSDL nền địa lý tỷ lệ 1/50.000 hiện hành của nhà nước.

- Xác định chiều cao chướng ngại vật khu vực 2 tỷ lệ 1/50.000: Sai số nhỏ hơn 3m.

- Điều tra ĐTĐL phục vụ xây dựng CSDL nền địa lý, tỷ lệ 1/10.000: Nội dung điều tra và mức độ thông tin phải đáp ứng yêu cầu công tác xây dựng CSDL nền địa hình tỷ lệ 1/10.000 hiện hành của nhà nước.

- Chuẩn hóa dữ liệu địa lý gốc, tỷ lệ 1/10.000: Theo tiêu chuẩn của CSDL nền địa lý tỷ lệ 1/10.000 hiện hành của nhà nước.

3.2. Sản phẩm giao nộp:

- Điều tra bổ sung ngoại nghiệp ĐTĐL tỷ lệ 1/10.000: Ảnh điều tra có ghi thông tin.

- Xác định chiều cao chướng ngại vật- CSDL chướng ngại vật điện tử hàng không khu vực 2 tỷ lệ 1/50.000: Bảng xác định chiều cao các chướng ngại vật.

- Tích hợp CSDL nền địa lý tỷ lệ: 1/50.000 và chuẩn hóa CSDL tỷ lệ 1/10.000: *.MDB

Điều 4: Giá trị của hợp đồng

- Tổng giá trị của hợp đồng (tạm tính là): **985.154.000 đồng** (đã bao gồm thuế GTGT và các loại chi phí khác).

(Bằng chữ: Chín trăm tám mươi lăm triệu, một trăm năm mươi bốn ngàn đồng)

- Chi tiết có phụ lục kèm theo hợp đồng này.

Điều 5: Phương thức tạm ứng, thanh toán

- Hình thức tạm ứng, thanh toán: Bằng chuyển khoản

- Tạm ứng: Bên A tạm ứng cho bên B số tiền không quá 70% giá trị hợp đồng sau khi hợp đồng có hiệu lực.

- Thanh toán: Việc thanh toán được thực hiện theo tiến độ thực hiện hợp đồng trên cơ sở khối lượng thực tế thực hiện được và đơn giá trong hợp đồng.

- Đồng tiền thanh toán : đồng Việt Nam.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của bên A

6.1. Quyền của bên A:

a) Bên A được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm của Hợp đồng.

b) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng.

6.2. Nghĩa vụ của bên A:

a) Cung cấp cho bên B thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

b) Giải quyết kiến nghị của bên B theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

c) Thanh toán đầy đủ cho bên B theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

7.1. Quyền của bên B:

a) Yêu cầu bên A cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn và phương tiện làm việc theo thỏa thuận hợp đồng (nếu có).

b) Được đề xuất thay đổi Điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của bên A hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

c) Được quyền yêu cầu bên A thanh toán đúng hạn.

7.2. Nghĩa vụ của bên B:

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Bảo quản và giao lại cho bên A những tài liệu và phương tiện làm việc do bên A cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

c) Thông báo ngay bằng văn bản cho bên A về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

d) Không được chuyển giao sản phẩm của Hợp đồng cho bất cứ một tổ chức, cá nhân nào khi chưa được phép của bên A.

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 05 bộ, Bên A giữ 03 bộ, Bên B giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện Bên A



NGUYỄN QUỐC VĂN

Đại diện Bên B



TS. Đinh Công Hòa

**BẢNG XÁC ĐỊNH NỘI DUNG CÔNG VIỆC, KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ CỦA
HỢP ĐỒNG**

(Kèm theo hợp đồng số 30-5 ngày 30 tháng 5 năm 2018)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Số TT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Đơn giá	Khối lượng	Thành tiền thuê (6=4*5)
I	CSDL địa hình tỷ lệ 1/50.000 và bản đồ địa hình 1/50.000 dạng raster (pdf, tif, img...)				
1	Tích hợp CSDL nền địa lý	Mảnh	3.155.378	8,83	27.861.987
II	CSDL chương ngại vật điện tử hàng không khu vực 2 tỷ lệ 1/50.000.				
1	Xác định vị trí chương ngại vật	Mảnh	10.814.111	8,83	95.488.600
III	CSDL địa hình tỷ lệ 1/10.000 và bản đồ địa hình 1/10.000 dạng raster (pdf, tif, img...)				
1	Điều tra ĐTĐL phục vụ xây dựng CSDL nền địa lý	Mảnh	29.969.848	26,00	779.216.048
2	Chuẩn hóa dữ liệu địa lý gốc	Mảnh	27.529.362	3,00	82.588.086
	Tổng cộng và làm tròn (đã bao gồm thuế GTGT và các loại thuế khác)				985.154.000

(Bảng chữ: Chín trăm tám mươi lăm triệu, một trăm năm mươi bốn ngàn đồng)